Tên: ……..

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

PET + FCE LISTENING INTENSIVE

A. THEORY

I. EXTRA VOCABULARY

- CLASSWORK

+ PET PART 3

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**specialist** (adj)	chuyên biệt	4	**ensure** (v)	đảm bảo
2	**questionnaire** (n)	bảng câu hỏi	5	**assess** (v)	đánh giá
3	**individual** (adj)	riêng cho từng người / cá nhân	6	**personal trainer** (n)	huấn luyện viên cá nhân

+ FCE PART 2

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**opt (for)** (v)	quyết định chọn	3	**trail** (n)	đường mòn
2	**plain** (adj)	đơn giản, không cầu kỳ	4	**assure** (v)	cam đoan

- HOMEWORK

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**chauffeur** (n)	tài xế riêng	3	**detector** (n)	máy dò
2	**bounce off** (phr.v)	dội lại, phản xạ	4	**sheltered** (adj)	khuất gió, được che chắn

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

II. METHOD

✅ **Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)**

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

⚠️ **Step 2: Watch Out for Traps (Coi chừng bẫy)**

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

🔍 **Ví dụ mẫu:**

What sport does the **girl want** to **try next week**?

A. Tennis

B. Basketball

C. Swimming

🎧 **Transcript:**

Boy: So, did you **enjoy** your **swimming class** yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've **been doing** that **every week** for **months**. I **want** to **try something different** now.

Boy: Like what?

Girl: I think **tennis** sounds **exciting**. I even bought a new racket!

🟡 **Phân tích:**

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: "Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?", không phải "Môn thể thao cô bé đã chơi".
- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.

LIVEWORKSHEETS

- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

Step 3: Answer Prediction (Dự đoán đáp án trước khi nghe)

Mục tiêu: Giúp người học đoán trước loại thông tin cần điền, từ đó nghe nhanh hơn, chính xác hơn.

1. **Nhìn vào chỗ trống** → Đoán **loại từ** cần điền.
2. **Quan sát từ trước và sau chỗ trống** → Dự đoán **chủ đề** hoặc **nội dung** cần điền:
   - Có thể là *thời gian*, *địa điểm*, *người*, *hoạt động*, *giá tiền*, *con số*, *tính chất*, v.v.
3. **Tự hỏi nhanh:**
   - "Thông tin này trong bài sẽ xuất hiện dưới dạng gì?"
   - "Có thể bị paraphrase (viết lại) như thế nào?"

B. CLASSWORK

I. LISTENING 1

1. Pre-listening: Tick what you think you might hear about.

1. Look at the gaps. What type of information do you think you will hear?
   □ a number □ a piece of equipment □ a job □ a price
2. Which of these topics do you think the announcement will mention?
   □ sports activities □ personal trainers □ clothing and equipment
   □ discounts □ health problems
3. Which kinds of details are MOST likely to appear?
   □ times & schedules □ instructions □ warnings □ locations

(Học sinh có thể tick **nhiều hơn một ô**.)

2. Listening (6 questions):

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://drive.google.com/file/d/12BEjbATCLww_zbku5OoCivEMQMeQGJVa/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear an announcement at a fitness centre.

Fitness week

Anyone who would like to become healthier and learn new things should **(14)** ..... for this course.

All new members must have with them trainers, a tracksuit, shorts and T-shirts as well as a(n) **(15)** ..... .

After answering some questions, specific targets will be set according to the members' **(16)** ..... .

Every morning a(n) **(17)** ..... will keep an eye on new members exercising.

At the end of the week, members will be told **(18)** ..... so as not to gain back the weight they've lost.

For the next 48 hours, there's a sale on: you can pay £ **(19)** ..... for 7 days.

LIVEWORKSHEETS

II. LISTENING 2

1. Pre-listening: Before you listen, discuss the questions below with a partner.

1. What kinds of things do you think the speaker might mention during a road trip?

□ places they visited □ food they tried □ people they met □ animals they saw

2. What types of natural scenery do you think Colorado is famous for?

□ mountains □ lakes □ forests □ red rock areas

3. What kinds of things do you think the speaker may have bought or found interesting?

□ postcards □ old photos □ handmade crafts □ food specialties

(Học sinh có thể tick **nhiều hơn một ô**.)

2. Listening (10 questions): Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://drive.google.com/file/d/10g5HOv3A0583jeYXEDk7ORWOfw0UHMK0/view?usp=sharing

Test 3 Listening • Part 2

32 You will hear a boy called Jamie giving a talk about a family road trip he went on in the United States. For questions **9–18**, complete the sentences with a word or short phrase.

Colorado road trip

Jamie says his parents wanted to visit somewhere with a variety of **(9)** .....

At the first small town they stayed in, they had a view of a **(10)** ..... from their hotel room.

Some towns they passed through had developed as a result of the **(11)** ..... that had once been there.

In one town, Jamie bought some **(12)** ..... , which were vintage ones.

Jamie particularly remembers some **(13)** ..... that he ate on his trip.

The family were interested to see how the landscape slowly changed to **(14)** ..... as they drove along.

Jamie was disappointed not to spot any **(15)** ..... while they were driving.

As Jamie's mum drove them to Aspen, she was concerned about a **(16)** ..... that was forecast.

In Aspen, Jamie's parents thought they should try **(17)** ..... while they were there.

While swimming in their hotel pool in Aspen, the family were surprised to see a **(18)** ..... .

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (19 questions)

I. Choose the correct answers.

0. Solar panels are _____, so they help reduce energy use.

A. notorious *B. energy-efficient* *C. fossil fuels* *D. glucose*

1. The government is trying to _____ new rules to reduce plastic waste.
   A. implement B. dominate C. diagnose D. set aside
2. Scientists warn that clean water is becoming _____ in some regions due to climate change.
   A. scarce B. contemporary C. eco-aware D. harmony
3. The company was _____ for polluting the river for many years.
   A. carbon-neutral B. notorious C. glucose D. nominate
4. This lake is surprisingly warm because it is heated by _____ from deep underground.
   A. chemical reaction B. psychologist
   C. zero-carbon emissions D. geothermal power
5. She was _____ anxiety last year and needed therapy for several months.
   A. capable of B. for the sake of C. diagnosed with D. radioactive

II. Fill in the blanks with the correct words/phrases in the box. Use each word only ONCE. Some words may not be used.

~~carbon emissions~~	fossil fuels	eco-aware	hydro-electric power
capable of	dismiss	ecologist	for the sake of

Mia: Hey Alex, did you read that article about countries trying to reduce *(0)* ***carbon emissions***?
Alex: Yeah! It mentioned that a leading (1) _____ recently advised governments to rely more on renewable energy.
Mia: I remember that. Some nations now produce electricity from (2) _____ instead of burning coal.
Alex: Right, but many industries still depend on (3) _____, so progress is slower than expected.
Mia: True. At least young people today are becoming more (4) _____ and understand why we need to protect the planet.
Alex: Exactly. The article even said humans are (5) _____ changing their lifestyle if they know the consequences.

III. Fill in the blanks with the correct past modal (must have / should have / would have) and the correct forms of the words in brackets.

0. *The lights are on. Someone* ***must have turned*** ***(turn)*** *them on earlier.*
1. You look tired. You _____ **(go)** to bed earlier last night.
2. If I had known you were in town, I _____ **(visit)** you yesterday.
3. The ground is wet. It _____ **(rain)** during the night.
4. The event was cancelled. More people _____ **(come)** if the weather had been better.
5. She feels terrible today. She _____ **(take)** the medicine last night.

IV. Read the text about a green community project, then answer the questions in FULL SENTENCES.

Last month, a group of volunteers joined a green community project in a carbon-neutral village. The goal was to help residents live more eco-aware lifestyles and reduce zero-carbon emissions. When the volunteers arrived, they met Dr. Hale, an ecologist who had been studying the area for

LIVEWORKSHEETS

years. He explained that the village mainly relied on hydro-electric power and solar panels instead of fossil fuels, which made it one of the cleanest communities in the region.

During the first morning, Dr. Hale showed the group how local plants used photosynthesis to produce glucose, which helps them survive in poor soil. After that, volunteers learned how to work in harmony with nature by planting new trees and cleaning the riverbanks. Later, they attended a workshop led by a psychologist, who talked about how people's state of mind affects their willingness to protect the environment.

In the afternoon, the team helped build an energy-efficient greenhouse. Some members were capable of designing advanced models, while others collected recycled materials that had been set aside by the villagers for the project. By the end of the day, everyone felt proud, and the leader said she hoped to return soon for the sake of future generations.

Questions:

0. Where did the volunteers join the project?

→ ***The volunteers joined the project in a carbon-neutral village***.

1. Which source of power did the village mainly rely on?

→ _____.

2. What did the psychologist talk about?

→ _____.

3. What did the team do in the afternoon?

→ _____.

Extra question: Would you like to join an environmental project one day? Why or why not?

→_____.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (16 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://drive.google.com/file/d/1a_wy-7PpzeP18Itqcpn9umRCRiw752TH/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear a woman talking about an art holiday.

Spanish Art Holidays

From 8 to 9, breakfast will be served on the patio; it's a(n) **(14)** ..... buffet-style breakfast.

At **(15)** ..... the group will leave the hotel for its painting destination.

Once there, the teacher will show her students how to paint a **(16)** ..... .

Different **(17)** ..... will be used, including charcoal and acrylic paint.

A picnic lunch will follow; everyone should get their own from **(18)** ..... before leaving the hotel.

Then a(n) **(19)** ..... meeting will follow to discuss the day's work.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://drive.google.com/file/d/1lZuTiR1RXSwbvvqNzl5OrNLx-cyqyfhD/view?usp=sharing

Test 4 Listening • Part 2

36 You will hear a girl called Katie giving a class presentation about a bat-watching trip she went on recently. For questions **9–18**, complete the sentences with a word or short phrase.

Bat-watching trip

Katie and her dad were joined on their trip by a family friend, whose job involves **(9)** ..... .

Katie describes the boat they went on as not feeling **(10)** ..... initially.

Their guide said that one reason bats are important is for helping to spread **(11)** ..... .

Katie learnt that a shortage of insects can quickly cause **(12)** ..... in bats out hunting.

Katie used a machine called a **(13)** ..... to hear the sounds the bats made.

Katie compares the sounds of bats calling to a strange kind of **(14)** ..... .

Katie was grateful for the **(15)** ..... that had been supplied for the trip.

A number of bats appeared on part of the river with a long **(16)** ..... on the bank.

Their friend managed to spot some **(17)** ..... above them during their trip.

Katie was pleased that the money from their tickets was going to a **(18)** ..... .

LIVEWORKSHEETS